

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NGÃI

Số: **15** /CTCN-2021

V/v giải trình lợi nhuận quý 4 năm 2021 so với quý 4 năm 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày **19** tháng **01** năm 2022

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà Nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NGÃI

QNW

17 Phan Chu Trinh - phường Nguyễn Nghiêm - TP Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi

4300326264

Ông NGUYỄN ĐĂNG ĐO

Chức vụ: Giám Đốc

Căn cứ thông tư số 96/2020/TT-BTC có hiệu lực ngày 01/01/2021 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán quy định giải trình cụ thể khi lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước và lợi nhuận sau thuế trong BCTC quý 4/2021 bị lỗ.

Công ty CP Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi giải trình về việc lợi nhuận quý 4 năm 2021 so với quý 4 năm 2020 cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	CÔNG TY MẸ				TỶ LỆ (%)	HỢP NHẤT				TỶ LỆ (%)
		Quý 4 năm 2021	Quý 4 năm 2020	Tăng/giảm	TỶ LỆ (%)		Quý 4 năm 2021	Quý 4 năm 2020	Tăng/giảm	TỶ LỆ (%)	
1	2	3	4	5=3-4	6=5/4	7	8	9=7-8	10=9/8		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19.187.358.666	20.235.877.092	(1.048.518.426)		19.187.358.666	20.235.877.092	(1.048.518.426)			
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	0	0	0		0	0	0			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	19.187.358.666	20.235.877.092	(1.048.518.426)	-5%	19.187.358.666	20.235.877.092	(1.048.518.426)	-5%		
4. Giá vốn hàng bán	11	17.502.488.278	17.334.243.921	168.244.357	1%	17.502.488.278	17.334.243.921	168.244.357	1%		
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp (20=10-11)	20	1.684.870.388	2.901.633.171	(1.216.762.783)		1.684.870.388	2.901.633.171	(1.216.762.783)			
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.120.978.876	1.988.788.406	(867.809.530)	-44%	1.162.777.596	2.094.653.215	(931.875.619)	-44%		
7. Chi phí tài chính	22	252.815.352	615.207.630	(362.392.278)	-59%	252.815.352	615.207.630	(362.392.278)	-59%		
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	252.815.352	615.207.630	(362.392.278)		252.815.352	615.207.630	(362.392.278)			
8. Chi phí bán hàng	25	1.513.002.559	769.040.764	743.961.795	97%	1.513.002.559	769.040.764	743.961.795	97%		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	2.654.865.807	3.982.977.348	(1.328.111.541)	-33%	2.654.865.807	4.008.788.240	(1.353.922.433)	-34%		
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26)	30	(1.614.834.454)	(476.804.165)	(1.138.030.289)	239%	(1.573.035.734)	(396.750.248)	(1.176.285.486)	296%		
11. Thu nhập khác	31										
12. Chi phí khác	32	3.787.715	3.732.864.354	(3.729.076.639)	-100%	3.787.715	3.732.864.354	(3.729.076.639)	-100%		
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	(3.787.715)	(3.732.864.354)	3.729.076.639		(3.787.715)	(3.732.864.354)	3.729.076.639			
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	(1.618.622.169)	(4.209.668.519)	2.591.046.350	-62%	(1.576.823.449)	(4.129.614.602)	2.552.791.153	-62%		
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(329.436.237)	(898.013.958)	568.577.721		(327.928.466)	(893.462.575)	565.534.109			
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52										



Chi tiêu	Mã số	CÔNG TY ME				HỢP NHẤT			
		Quý 4 năm 2021	Quý 4 năm 2020	Tăng/giảm	Tỷ lệ (%)	Quý 4 năm 2021	Quý 4 năm 2020	Tăng/giảm	Tỷ lệ (%)
		3	4	5=3-4	6=5/4	7	8	9=7-8	10=9/8
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	(1.289.185.932)	(3.311.654.561)	2.022.468.629	-61%	(1.248.894.983)	(3.236.152.027)	1.987.257.044	-61%
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ						(1.265.011.363)	(3.266.353.041)		
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát						16.116.380	30.201.014		
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu									
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu									

BCTC CÔNG TY ME

- Lợi nhuận quý 4 năm 2021 lỗ giảm với lý do : Doanh thu bán hàng chi giảm 5% và giá vốn hàng bán chi tăng 1%.
 - Trong khi đó : - doanh thu hoạt động tài chính giảm 44% và chi phí tài chính cũng giảm 59%.
 - Chi phí bán hàng tăng 97% ; chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 33% ; chi phí khác của quý 4/2020 rất cao cụ thể là chi phí xử lý tồn thất đầu tư của dự án là 3.701.398.732 đ.
- Dẫn đến lợi nhuận quý 4 năm 2021 lỗ giảm 61 % so với quý 4 năm 2020.
- Lợi nhuận quý 4 năm 2021 lỗ với lý do là quý 4/2021 chi phí tăng cao so với các quý còn lại trong năm 2021, dẫn đến chi phí của quý 4/2021 đã cao hơn doanh thu của quý 4/2021).

BCTC HỢP NHẤT

- Lợi nhuận quý 4 năm 2021 lỗ giảm với lý do : Doanh thu bán hàng chi giảm 5% và giá vốn hàng bán chi tăng 1%.
 - Trong khi đó : - doanh thu hoạt động tài chính giảm 44% và chi phí tài chính cũng giảm 59%.
 - Chi phí bán hàng tăng 97% ; chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 34% ; chi phí khác của quý 4/2020 rất cao cụ thể là chi phí xử lý tồn thất đầu tư của dự án là 3.701.398.732 đ.
- Dẫn đến lợi nhuận quý 4 năm 2021 lỗ giảm 61 % so với quý 4 năm 2020.
- Lợi nhuận quý 4 năm 2021 lỗ với lý do là quý 4/2021 chi phí tăng cao so với các quý còn lại trong năm 2021, dẫn đến chi phí của quý 4/2021 đã cao hơn doanh thu của quý 4/2021)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu P.Kế toán, P.HC

Trần Trọng!

